

**THỎA THUẬN THỰC THI VỀ HỢP TÁC KINH TẾ
CHIẾU THEO CHƯƠNG 13 (HỢP TÁC KINH TẾ) CỦA
HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO**

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

Giới thiệu chung

Thỏa thuận này là một chương trình hợp tác kinh tế, được xây dựng cụ thể hóa các vấn đề liên quan đến Chương 13 (Hợp tác Kinh tế) của *Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân quốc* (sau đây gọi tắt là “Hiệp định”) mà không tạo ra thêm bất kỳ nghĩa vụ pháp lý nào đối với các Bên ngoài các nghĩa vụ đã cam kết trong Hiệp định. Thỏa thuận bao gồm các thông tin và khái niệm liên quan đến những lĩnh vực hợp tác do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Đại Hàn Dân quốc (sau đây gọi tắt là “các Bên”) thống nhất. Hiệp định đề cập đến những dự án chính sẽ được thực hiện và không hạn chế việc hợp tác trong các lĩnh vực không được nêu rõ khác khi được các Bên nhất trí. Thỏa thuận bao gồm bốn cấu phần (công nghiệp; nông nghiệp, thủy sản và lâm nghiệp; các quy tắc và thủ tục; và các lĩnh vực khác) đã được thống nhất trong Hiệp định, và cung cấp một bản tóm tắt cho mỗi lĩnh vực trong đó xác định mục tiêu và các hoạt động tiêu biểu. Nếu cần thiết, các Bên có thể linh hoạt sửa đổi hoặc bổ sung thêm các hoạt động hợp tác kinh tế khác chưa được quy định trong Thỏa thuận này trên cơ sở thống nhất chung.

Các Bên tiến hành các hoạt động hợp tác kinh tế quy định tại Hiệp định theo luật và các quy định trong nước, có tính đến sự khác biệt về mức độ phát triển và năng lực giữa các Bên. Các Bên nỗ lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thương mại, và trong dài hạn, tạo điều kiện cùng thâm nhập vào thị trường toàn cầu bằng việc xây dựng chuỗi cung ứng giữa các Bên trong Hiệp định.

Các Bên nỗ lực để bắt đầu tham vấn trong vòng sáu tháng kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực để xác định và thống nhất các dự án cụ thể vào thời gian sớm nhất có thể bằng các văn bản thỏa thuận riêng biệt như biên bản ghi nhớ. Đối với các mục đích phát triển dự án mới và cải thiện dự án, các cơ quan chính quyền các cấp và các doanh nghiệp liên quan sẽ thiết lập và tiến hành các kênh liên lạc thường xuyên.

Chi phí thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế ước tính khoảng năm triệu đô la Mỹ do các Bên cùng đóng góp, theo đó có xem xét đến sự khác biệt về mức độ phát triển và năng lực giữa các Bên. Chi phí bổ sung sẽ được quyết định theo thỏa thuận của các Bên.

Điều 1: Chức năng của Ủy ban về Hợp tác kinh tế

1. Ủy ban về Hợp tác kinh tế theo Điều 13.4 của Hiệp định (sau đây gọi tắt là “Ủy ban”) sẽ có các chức năng sau đây:

- (a) tìm kiếm sự ưu tiên trong các hoạt động hợp tác kinh tế theo thoả thuận chung;
- (b) khi thấy cần thiết và thích hợp, mời khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ việc phát triển và thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế;
- (c) làm việc với các ủy ban hoặc các nhóm công tác khác được thành lập theo Hiệp định, hỗ trợ sự phát triển và thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế;
- (d) giám sát, đánh giá và thảo luận về tiến độ, bao gồm phát triển các cơ chế phù hợp, trong việc thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế; và
- (e) cung cấp các báo cáo hàng năm về hoạt động của Ủy ban cho Ủy ban Hỗn hợp theo Điều 17.1 của Hiệp định, trừ khi Ủy ban có quyết định khác.

2. Ủy ban bao gồm đại diện của các Bên. Đại diện của các cơ quan ngoài các cơ quan chính quyền các cấp có liên quan có các chuyên môn cần thiết để giải quyết các vấn đề cũng có thể được mời tham gia Ủy ban.

3. Ủy ban họp mặt ít nhất mỗi năm một lần, trừ khi Ủy ban có quyết định khác.

4. Ủy ban sẽ thiết lập các quy tắc và thủ tục để tiến hành các công việc của mình. Mọi quyết định của Ủy ban được thực hiện bởi sự đồng thuận, trừ khi Ủy ban có quyết định khác.

5. Ủy ban có thể thành lập các nhóm công tác để thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế, dựa trên các lĩnh vực và hình thức hợp tác. Các nhóm công tác có thể bao gồm đại diện cơ quan chính quyền các cấp hoặc đại diện các tổ chức phi chính phủ, hoặc cả hai. Mỗi nhóm công tác có thể ký kết một biên bản ghi nhớ sau khi quyết định các vấn đề cụ thể cần thiết cho việc thực hiện và báo cáo lên Ủy ban.

Điều 2 : Công nghiệp

Mục tiêu

1. Công nhận sự tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực công nghiệp và phát triển nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển kinh tế và xã hội của các Bên, các Bên đồng ý hợp tác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi trong các lĩnh vực công nghiệp và công nghệ để nâng cao trình độ công nghệ công nghiệp.

Các hoạt động cụ thể

2. Nội dung của các dự án cụ thể sẽ triển khai nên được quyết định chi tiết ở giai đoạn sau. Các lĩnh vực quan tâm chung như sau:

- (a) thúc đẩy thương mại song phương trong ngành công nghiệp sản xuất như ô tô, điện tử, máy móc, phân phối và logistics, v.v...;
- (b) trao đổi và chia sẻ thông tin về luật và các quy định liên quan tới thương mại, đầu tư, kinh doanh và môi trường kinh doanh;
- (c) cải thiện môi trường kinh doanh và tăng cường sự tin tưởng trong kinh doanh;
- (d) hỗ trợ xây dựng chính sách phát triển cho các ngành công nghiệp chế tạo; và
- (e) hỗ trợ kỹ thuật cho ngành công nghiệp.

Điều 3 : Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp

Mục tiêu

1. Nhận thấy lợi ích to lớn trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp và chế biến thực phẩm, các Bên mong muốn tìm kiếm cơ sở chung nhằm phục vụ cho lợi ích của các Bên, và tạo điều kiện hợp tác thông qua những trao đổi thường xuyên. Các Bên sẽ thảo luận và phát triển các lĩnh vực quan tâm chung bằng cách tìm kiếm một kênh hợp tác tiềm năng.

Các hoạt động cụ thể

2. Nội dung của các dự án cụ thể sẽ triển khai trong lĩnh vực nông nghiệp nên được xác định một cách chi tiết vào giai đoạn sau. Các lĩnh vực quan tâm chung như sau:

- (a) trao đổi thông tin về các chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn;
- (b) trao đổi chuyên gia và hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và các ngành công nghệ liên quan;
- (c) hợp tác trong phát triển nông nghiệp với mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực;
- (d) thúc đẩy mối liên kết giữa khu vực Nhà nước và tư nhân;
- (e) cải thiện luật pháp và thể chế để thu hút đầu tư trong các lĩnh vực như đất đai và tăng cường tính minh bạch trong các thủ tục cấp giấy phép;
- (f) tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân đầu tư trong các lĩnh vực nông nghiệp; và
- (g) hỗ trợ kỹ thuật về nông nghiệp.

3. Các Bên thảo luận về các lĩnh vực cùng quan tâm trong lĩnh vực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản và tiến hành các hoạt động hợp tác trên cơ sở thỏa thuận chung. Các lĩnh vực cùng quan tâm như sau:

- (a) cải thiện điều kiện đầu tư trong lĩnh vực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản;
- (b) đáp ứng các nhu cầu của nhà đầu tư trong lĩnh vực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản;
- (c) trao đổi thông tin về đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; và
- (d) trao đổi quan điểm về các vấn đề có liên quan đến các tổ chức nghề cá trong khu vực và trên quốc tế.

4. Các Bên thảo luận về các lĩnh vực cùng quan tâm trong lĩnh vực lâm nghiệp, và thực hiện các hoạt động hợp tác trên cơ sở thỏa thuận chung. Nội dung của các dự án cụ thể sẽ triển khai nên được xác định một cách chi tiết vào giai đoạn sau. Các lĩnh vực quan tâm chung như sau:

- (a) các hoạt động nhằm cùng phát triển, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng; và
- (b) hỗ trợ kỹ thuật về lâm nghiệp

Điều 4: Các quy tắc và thủ tục về thương mại

Mục tiêu

1. Các quy tắc và thủ tục về thương mại cần phải được đưa vào thực hiện một cách hiệu quả để thụ hưởng được những lợi ích của Hiệp định. Với mục đích này, các Bên mong muốn giảm bớt hoặc loại bỏ các rào cản kỹ thuật gây trở ngại đến việc thuận lợi hóa thương mại, và mong muốn thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại thông qua trao đổi và hỗ trợ các hệ thống cần thiết cho thương mại.

Các hoạt động cụ thể

2. Nội dung của các dự án cụ thể sẽ triển khai nên được xác định một cách chi tiết vào giai đoạn sau. Các lĩnh vực quan tâm chung như sau:

- (a) các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp:
 - (i) nghiên cứu chung cho hợp tác về tiêu chuẩn;
 - (ii) trao đổi thông tin kỹ thuật và các chuyên gia liên quan đến các tiêu chuẩn xây dựng;
 - (iii) điều hành các chương trình đào tạo/giáo dục để nâng cao năng lực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp;

- thảo;
- (iv) tiến hành các hoạt động chung như tổ chức các cuộc hội nghị và hội thảo;
 - (v) cùng hợp tác liên quan đến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp cho ngành xây dựng và vật liệu xây dựng; và
 - (vi) hỗ trợ kỹ thuật;
- (b) quy tắc xuất xứ và các khía cạnh khác của việc thực hiện các cam kết thuế quan:
- (i) nghiên cứu cơ bản và đào tạo chuyên gia để giới thiệu hệ thống xuất khẩu đã được phê duyệt; và
 - (ii) hỗ trợ kỹ thuật;
- (c) thủ tục hải quan:
- (i) tổ chức một cuộc hội thảo về hiện đại hóa hải quan và đào tạo để nâng cao hiệu quả thông quan; và
 - (ii) hỗ trợ kỹ thuật; và
- (d) sở hữu trí tuệ:
- (i) trao đổi quan điểm và thông tin về hệ thống sở hữu trí tuệ, bao gồm cả thông tin về khuôn khổ pháp lý, việc quản lý và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ;
 - (ii) xây dựng năng lực cho các cán bộ hoặc chuyên gia về quyền sở hữu trí tuệ;
 - (iii) quản lý sở hữu trí tuệ, tự động hóa và hệ thống đăng ký, bao gồm cả cơ sở dữ liệu có thể truy cập công khai;
 - (iv) giáo dục và nâng cao nhận thức của công chúng về quyền sở hữu trí tuệ;
 - (v) thương mại hoá sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ;
 - (vi) hệ thống quản lý chất lượng;
 - (vii) cơ sở dữ liệu điện tử công khai về ứng dụng và đăng ký thương hiệu;
- và
- (viii) thúc đẩy đối thoại về các vấn đề sở hữu trí tuệ, bao gồm:
 - (A) chỉ định các đầu mối liên lạc để thực hiện các hoạt động hợp tác; và

- (B) khuyến khích sự tương tác giữa các chuyên gia trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nhằm mở rộng sự hiểu biết về hệ thống sở hữu trí tuệ của nhau.

Điều 5 : Các nội dung khác

Mục tiêu

1. Việc tăng cường nền tảng kinh tế là cần thiết để phát triển một cách nhất quán về thương mại, đầu tư và trao đổi giữa các Bên. Do đó, các Bên cùng có mục tiêu phát triển kinh tế và trao đổi thông qua việc hỗ trợ tăng cường các mức độ điều kiện kinh tế.

Các hoạt động cụ thể

2. Nội dung của các dự án cụ thể sẽ triển khai nên được xác định một cách chi tiết vào giai đoạn sau. Các lĩnh vực quan tâm chung như sau:

- (a) hỗ trợ chính sách cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm việc chia sẻ thông tin về các chính sách nhằm hỗ trợ và phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa và trao đổi chuyên gia;
- (b) thống kê:
 - (i) chẩn đoán và tư vấn về hệ thống thống kê;
 - (ii) hỗ trợ xây dựng chiến lược nhằm phát triển hệ thống thống kê; và
 - (iii) hỗ trợ kỹ thuật;
- (c) cạnh tranh công bằng:
 - (i) trao đổi kinh nghiệm về việc xúc tiến và thực thi luật và chính sách cạnh tranh;
 - (ii) trao đổi thông tin đã được công bố công khai về luật và chính sách cạnh tranh;
 - (iii) trao đổi cán bộ với mục đích đào tạo;
 - (iv) trao đổi các chuyên gia tư vấn và chuyên gia về luật và chính sách cạnh tranh;
 - (v) sự tham gia của công chức làm giảng viên, chuyên gia tư vấn, hoặc học viên trong các khóa đào tạo về luật và chính sách cạnh tranh;
 - (vi) sự tham gia của công chức trong các khóa đào tạo thực hành;

- (vii) trao đổi thông tin và kinh nghiệm về các hoạt động liên quan đến thực hành vụ việc cạnh tranh và phát triển văn hoá cạnh tranh; và
 - (viii) bất kỳ hợp tác kỹ thuật nào khác theo thoả thuận giữa các Bên;
- (d) đầu tư:
- (i) Với mục đích cải thiện môi trường đầu tư và thúc đẩy đầu tư trong lãnh thổ của mình, các Bên sẽ hợp tác chặt chẽ nhằm thuận lợi hóa đầu tư và tìm kiếm các biện pháp thân thiện để giải quyết khiếu nại của các nhà đầu tư;
 - (ii) một Bên sẽ tiếp tục hợp tác với Bên kia trong việc thiết lập, chỉ định hoặc duy trì một đơn vị hỗ trợ công việc giải quyết khiếu nại cho nhà đầu tư của Bên kia và bao gồm cả các khoản đầu tư, đơn vị này có thể có các chức năng như:
 - (A) tiếp nhận và điều tra khiếu nại của nhà đầu tư về môi trường đầu tư của Bên đó;
 - (B) cung cấp hỗ trợ cho việc giải quyết những khó khăn của chủ đầu tư trong quá trình quản lý kinh doanh; và
 - (C) nếu cần thiết, kiến nghị các cơ quan chính quyền các cấp có liên quan của Bên đó có biện pháp khắc phục các vấn đề liên quan và tư vấn về các thay đổi cần thiết cho việc giải quyết khiếu nại và cải thiện môi trường đầu tư của Bên đó; và
- (e) các dịch vụ liên quan đến văn hóa, bao gồm việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm..

Điều 6 : Hiệu lực và thời hạn

1. Thỏa thuận này sẽ có hiệu lực cùng ngày Hiệp định có hiệu lực.
2. Thỏa thuận này sẽ có giá trị vô thời hạn.
3. Một Bên có thể thông báo cho Bên kia về ý định của mình từ bỏ Thỏa thuận này bằng văn bản qua đường ngoại giao. Việc từ bỏ sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ khi có văn bản thông báo đó.

DƯỚI SỰ CHỨNG KIẾN, những người ký tên dưới đây, được ủy quyền của Chính phủ hai Bên, đã ký Thỏa thuận này.